

**BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN**  
(Từ ngày 8 đến 14/11/2024)

**1. Khu vực miền núi phía Bắc**

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên sông Thao, sông Lô giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại Yên Bái nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 27%, trên sông Lô tại Tuyên Quang nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 56%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Thao tại Yên Bái lớn hơn TBNN cùng kỳ 26%, sông Lô tại Tuyên Quang nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 52%.

**2. Khu vực Đồng Bằng và Trung Du Bắc Bộ**

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-20mm
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Đà, lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên, tổng lượng dòng chảy thấp hơn 40% so với TBNN. + Trên các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình, lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 49%, trên sông Lục Nam tại Chũ thấp hơn 71%. + Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tuần qua biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy sông Hồng tại trạm Hà Nội thấp hơn TBNN cùng kỳ 25%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Đà, lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy thấp hơn 42% so với TBNN.

+ Lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam sẽ giảm nhẹ so với kì trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy sẽ cao hơn TBNN cùng kỳ là 10%; tổng lượng dòng chảy tại Chũ cao hơn TBNN cùng kỳ là 24%.

+ Dòng chảy hạ lưu sông Hồng sẽ biến đổi chậm và phụ thuộc vào điều tiết hồ chứa thượng lưu. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 11%.

### 3. Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-40mm ở phía Bắc (Thanh Hóa, phía Bắc Nghệ An), phổ biến 50-100mm ở Nam Nghệ An và phổ biến 200-300 ở Hà Tĩnh.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An giảm hơn so với tuần trước, các sông ở Hà Tĩnh tăng hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 57%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm cao hơn khoảng 18%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn hơn khoảng 25%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa, riêng Hà Tĩnh phổ biến 10-20mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 17%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 39%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 14%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 16%.

### 4. Trung Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 200-400mm, có nơi trên 400mm như Tuyên Hóa 552.5mm, Nam Đông 450.5mm,...
- Tổng lượng dòng chảy: Từ ngày 04-07/11, trên các sông từ Quảng Bình, Thừa Thiên Huế và Quảng Ngãi xuất hiện 01 đợt lũ, các sông khác có dao động. Dòng chảy trên các sông được bổ sung và tăng cao trong thời gian trên. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) cao hơn TBNN cùng kỳ 80%, sông Thu Bồn (Quảng Nam) thấp hơn 37% và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) thấp hơn 56%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 30-60mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Dòng chảy trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi khả năng ít biến đổi và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch cao hơn TBNN cùng kỳ 33%, sông Thu Bồn và sông Trà Khúc thấp hơn từ 46-53%.

## 5. Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-100mm, riêng Bình Định phổ biến 100-200mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng nhẹ. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Bình Định) thấp hơn TBNN cùng kỳ 63%, sông Ba (Phú Yên) thấp hơn 86%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) thấp hơn 6%, sông Lũy (Bình Thuận) thấp hơn 34%, sông La Ngà (Bình Thuận) thấp hơn 73%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại Củng Sơn thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 83%, sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng cao hơn 5%.

## 6. Tây Nguyên

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 30-70mm, có nơi trên 200mm như An Khê 235.6mm, MĐẮk 200.9mm, Bảo Lộc 250.2mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần, trên sông Cam Ly (Lâm Đồng) xuất hiện 2 đợt lũ, mực nước đỉnh lũ cao nhất tại Thanh Bình ở trên mức BĐ3; các sông khác phổ biến dao động theo điều tiết của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi. Lưu lượng dòng chảy trên các sông phổ biến ở mức tương đương và giảm so với tuần trước, riêng sông Đăk Nông và Cam Ly tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 91%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn thấp hơn 38%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến ít mưa; phía Nam phổ biến 15-30mm, có nơi trên 50mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông

biến đổi ở mức tương đương và giảm so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 90%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn thấp hơn 45%.

## 7. Nam Bộ

### a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 50-100mm, có nơi trên 120mm như Đồng Phú 142.6mm, Tây Ninh 143.4mm, Bạc Liêu 340.8mm, Cà Mau 126.4mm,...

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.

### b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 30-60mm, có nơi trên 80mm.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm. Trên sông Tiền tại Tân Châu cao hơn TBNN cùng kỳ 20% và trên sông Hậu tại Châu Đốc ở mức thấp hơn 10%.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 15/11**

**Tin phát lúc: 15h00**

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**



**Phùng Tiến Dũng**

**Phụ lục**

**Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm**

Bảng 1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 07 đến ngày 14/11

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 10 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				08/11	09/11	10/11	11/11	12/11	13/11	14/11	Tổng	
Miền núi phía Bắc	Tam Đường	0.3	<98	1.1	0	0.1	0	0	0	0	1.2	<92
	Sơn La	0.1	<99	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Lào Cai	0.3	<98	0.1	0.1	0	0	0	0	0.1	0.3	<97
	Yên Bái	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Tuyên Quang	0	<100	0	0	0	0	0	0.1	0.6	0.7	<95
	Hà Giang	0	<100	0	0	0	0	0	0	0	0	<100
	Cao Bằng	0	<100	0	0	0	0	0	0	0.6	0.6	<95
Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ	Lạng Sơn	0	<100	0	0	0	0	0	0.8	1.1	1.9	<87
	Hòa Bình	1.3	<94	0	0	0	0	0	0.3	1	1.3	<79
	Bắc Giang	0	<100	0	0	0	0	0	0.1	0.8	0.9	<92
	Quảng Ninh	1.3	<89	0	0	0	0	0.3	8.9	0.2	9.4	<20
	Láng	0.5	<98	0	0	0	0	0	1.8	1.1	2.9	<70
	Thái Bình	14.8	<53	0	0	0	0	0	4.4	4.2	8.6	<6
Bắc Trung Bộ	Nam Định	12.1	<50	0	0	0	0	0	0.6	2.9	3.5	<62
	Thanh Hoá	38.6	>38	0	0	0	0	0	0.8	2.4	3.2	<82
	Vinh	89	>231	0	0.1	0	0	0.2	2.5	3.5	6.3	<82
Trung Trung Bộ	Hà Tĩnh	245	>298	1.5	0	0	0	1.5	3.3	2.1	8.4	<84
	Huế	299.8	>33	1.8	0.3	0.1	0.7	14.5	48.4	25.6	91.4	<26
Nam Trung Bộ	Quảng Ngãi	160.2	<16	0	0	0	0.1	0	2.7	2.5	5.3	<96
	Nha Trang	82.8	<36	3.9	0	0	0	0.3	0.2	0.2	4.6	<93
Tây Nguyên	Kon Tum	33.4	>12	0	0	0	0	0	0.4	0.3	0.7	<94
	Buôn Mê Thuột	54.6	>53	0.5	0	0	0	0.1	0.4	1.2	2.2	<93
Nam Bộ	Biên Hòa	11.5	<71	1.3	15.6	4	1.2	0.5	0.8	1.7	25.1	>22
	Cần Thơ	38.9	<19	14.7	26.7	7.9	10.4	2.2	0.3	1.4	63.6	>139

Bảng 2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 8 đến ngày 14/11

Đơn vị: triệu m<sup>3</sup>

Sông	Trạm	Thực đo 10 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo								Tổng	So sánh TBNN (%)
				08/11	09/11	10/11	11/11	12/11	13/11	14/11			
Đà	Hồ Hòa Bình	410.49	<40	53	52	56	57	59	60.0	60	397	<42	
Thao	Yên Bái	273	<27	67	63	59	54	50	47.0	43	382	>26	
Lô	Tuyên Quang	142.5	<56	22	22	21	20	19	18.0	17	139	<52	
Cầu	Gia Bảy	23.77	<3	2.42	2.42	2.16	2.16	2.26	2.4	2.42	16.3	<49	
Lục Nam	Chũ	7.08	<38	0.95	0.95	0.86	0.86	0.86	1.0	0.95	6.38	<71	
Hồng	Hà Nội	814	<25	144	149	136	126	109	100	92	856	<11	
Mã	Cắm Thủy	192.5	~ TBNN	20.91	20.3	20.1	19.9	19.7	20.3	20.91	142.13	< 17	
Cả	Yên Thượng	225.6	< 57%	30.44	29.55	29.25	28.96	28.66	29.6	30.44	206.84	< 39	
La	Hòa Duyệt	223.2	> 25%	20.02	19.44	19.25	19.05	18.86	19.4	20.02	136.08	> 16	
Tả Trạch	Thượng Nhật	56.8	> 80	6.7	6.2	5.6	5.2	4.8	4.5	4.7	37.7	> 33	
Thu Bồn	Nông Sơn	424	< 37	60.5	56.2	48.4	44.1	42.8	41.5	39.9	333.4	< 46	
Trà Khúc	Sơn Giang	208.7	< 56	35.4	31.1	27.6	25.9	24.2	22.9	20.9	188	< 53	
Ba	Củng Sơn	93.74	<86	7.78	7.34	10.37	12.96	13.82	14.7	12.1	79.06	<83	
Cái N,T	Đông Trăng	65.32	<6	10.37	8.64	7.78	7.34	6.91	6.7	6.48	54.26	<5	
ĐăkBlá	KonTum	9.83	< 91	1.42	1.45	1.34	1.3	1.28	1.3	1.3	9.3	< 90	
Srêpôk	Giang Sơn	66.63	< 38	10.28	10.54	10.2	9.68	8.73	8.0	7.34	64.8	< 45	
Tiền	Tân Châu			1628	1619	1619	1610	1610	1602.0	1559	11249	> 20	
Hậu	Châu Đốc			288	284	277	264	253	253.0	240	1871	< 10	